

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa.

Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến T - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hà Minh T.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai (Theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Đỗ Tiến T: Ông Lê Duy B.

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai (Theo đơn đề nghị ngày 07/8/2020)

Bị đơn: Chị Đinh Thị H - Sinh năm 1987

Trú tại: Tổ 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 1 Điều 28; Điều 147, khoản 2 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59; khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn giữa anh Đỗ Tiến T và chị Đinh Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản:

Anh Đỗ Tiến T được sử dụng thửa đất số 06 tờ bản đồ số 0 Đường D4 liền kề thuộc khu tái định cư hạ tầng kỹ thuật bờ kè tả Sông Hồng, tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai trị giá 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*) và số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) chị H thanh toán tiền chênh lệch tài sản. Tổng giá trị tài sản anh Đỗ Tiến T được sở hữu là 520.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi triệu đồng*).

Chị Đinh Thị H được sử dụng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hon đa City, biển kiểm soát 24A - 09688 trị giá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda ABLade, biển kiểm soát 24 T1- 029.99 trị giá 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Chị Đinh Thị H phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Đỗ Tiến T là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tổng giá trị tài sản chị Đinh Thị H được sở hữu là 425.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Anh Đỗ Tiến T và chị Đinh Thị H mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận anh Đỗ Tiến T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Chị Đinh Thị H phải hoàn trả cho anh Đỗ Tiến T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí: Anh Đỗ Tiến T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.400.000 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.550.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số AB/2012/0003415 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh Đỗ Tiến T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 11.150.000 đồng (*Mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Đinh Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- T.H.A DS;
- Các đương sự;
- Lưu

THẨM PHÁN

Ngô Đức Quang